

*Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 5 năm 2020*

**BÁO CÁO**

**Đánh giá tình hình thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi giai đoạn 2016-2020 và định hướng giai đoạn 2021-2025 tỉnh Quảng Ngãi**

Thực hiện Công văn số 2765/BKHĐT-KTĐN ngày 28/4/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc chuẩn bị nội dung xây dựng định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THU HÚT, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI GIAI ĐOẠN 2016-2020**

**1. Tình hình thu hút vốn ODA, vốn vay ưu đãi giai đoạn 2016-2020**

**a) Tình hình thu hút vốn theo nhà tài trợ**

Trong giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn tỉnh có 17 dự án ODA và vốn vay ưu đãi được bố trí vốn và triển khai thực hiện. Trong đó, có 02 dự án được bố trí vốn đối ứng để thanh toán hoàn thành dự án<sup>1</sup>; 02 dự án được bố trí vốn đối ứng để chuẩn bị đầu tư<sup>2</sup>; và 13 dự án được bố trí nguồn vốn đối ứng và vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

Riêng 13 dự án ODA có tổng mức đầu tư là 2.472,09 tỷ đồng, trong đó, vốn ODA là 2.042,59 tỷ đồng, vốn đối ứng là 429,50 tỷ đồng. Giai đoạn 2016-2020, đã bố trí tổng vốn ODA và vốn vay ưu đãi là 1.416,57 tỷ đồng, trong đó, sử dụng vốn của WB là 977,63 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 69,01%), ADB 15,9 tỷ đồng (1,13%), Nhật Bản 95,91 tỷ đồng (6,77%), Hàn Quốc 37,7 tỷ đồng (2,66%), EU 100 tỷ đồng (7,06%), các nhà tài trợ khác 189,38 tỷ đồng (13,37%); tổng đối ứng đã bố trí cho các dự án là 212,95 tỷ đồng.

**b) Tình hình thu hút vốn theo cơ cấu nguồn vốn**

Xét theo cơ cấu nguồn vốn của 13 dự án ODA: Trong tổng mức đầu tư 2.472,09 tỷ đồng, vốn vay ODA là 1.572,41 tỷ đồng<sup>3</sup> (chiếm tỷ lệ 63,6%); vốn vay ưu đãi 361,55 tỷ đồng (14,6%); vốn viện trợ không hoàn lại 108,62 tỷ

<sup>1</sup> Dự án Khôi phục và Quản lý bền vững KFW6 là 540 triệu đồng; dự án An ninh y tế khu vực Tiền vùng Mê Công mở rộng là 30 triệu đồng.

<sup>2</sup> Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi là 800 triệu đồng; dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) là 900 triệu đồng.

<sup>3</sup> Bao gồm vốn Vay ODA được NSTW cấp phát và vốn địa phương vay lại.

tỷ đồng (4,4%) và vốn đối ứng 429,50 tỷ đồng (17,4%).

### 1.3. Tình hình thu hút vốn theo cơ cấu ngành, lĩnh vực

Xét theo cơ cấu ngành, lĩnh vực của 13 dự án ODA:

- 04 dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, xóa đói, giảm nghèo với tổng mức vốn đầu tư là 1.314,756 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 53,2%), trong đó, vốn ODA là 1.177,991 tỷ đồng, vốn đối ứng là 136,765 tỷ đồng;

- 04 dự án thuộc lĩnh vực môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu với tổng mức vốn đầu tư là 644,716 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 26,1%), trong đó, vốn ODA là 471,135 tỷ đồng, vốn đối ứng là 173,581 tỷ đồng;

- 02 dự án lĩnh vực giáo dục và đào tạo với tổng mức vốn đầu tư là 158,707 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 6,4%), trong đó, vốn ODA là 108,262 tỷ đồng, vốn đối ứng là 50,445 tỷ đồng;

- 01 dự án lĩnh vực y tế với tổng mức vốn đầu tư là 119,13 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 4,8%), trong đó, vốn ODA là 87,833 tỷ đồng, vốn đối ứng là 31,297 tỷ đồng;

- 01 dự án lĩnh vực năng lượng với tổng mức vốn đầu tư là 127,789 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 5,2%), trong đó, vốn ODA là 108,621 tỷ đồng, vốn đối ứng là 19,168 tỷ đồng;

- 01 dự án lĩnh vực quản lý nhà nước với tổng mức vốn đầu tư là 107 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 4,3%), trong đó, vốn ODA là 88,750 tỷ đồng, vốn đối ứng là 18,25 tỷ đồng.

## 2. Tình hình thực hiện, giải ngân các chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi giai đoạn 2016-2020

### a) Các dự án phải điều chỉnh đầu tư, gia hạn hiệp định

Có 06 dự án phải điều chỉnh quyết định đầu tư và 02 dự án được gia hạn hiệp định, kéo dài thời gian thực hiện.

### b) Tình hình giải ngân các dự án

Tổng mức đầu tư của 13 dự án ODA là 2.472,09 tỷ đồng, trong đó, vốn đối ứng là 429,50 tỷ đồng, vốn ODA là 2.042 tỷ đồng. Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để bố trí cho các dự án ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài là 1.502,92 tỷ đồng, trong đó, vốn nước ngoài 1.345,85 tỷ đồng; vốn đối ứng 236,7 tỷ đồng.

Trong 5 năm 2016-2020, tỉnh đã bố trí vốn thực hiện các dự án ODA là 1.434,493 tỷ đồng, trong đó, vốn ODA là 1.221,542 tỷ đồng; vốn đối ứng là

212,915 tỷ đồng. Đến tháng 4/2020, tổng vốn đã giải ngân 1.089,63 tỷ đồng (đạt 89,2% kế hoạch vốn), trong đó, giải ngân vốn đối ứng đạt 174,74 tỷ đồng (đạt 82% kế hoạch vốn); giải ngân vốn ODA là 888,88 tỷ đồng (đạt 72,76% kế hoạch vốn) và giải ngân vốn vay lại đạt 26 tỷ đồng.

*(Có phụ lục 1 kèm theo)*

### **3. Đánh giá chung về hiệu quả kinh tế, xã hội của các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi**

a) Những kết quả đạt được trong công tác thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi thời kỳ 2016 – 2020

- Các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi được triển khai đều là các dự án hạ tầng kinh tế, an sinh xã hội quan trọng, thiết yếu và sử dụng vốn lớn. Tổng số vốn ODA và vốn vay ưu đãi ký kết và giải ngân giai đoạn 2016 - 2020 cho các dự án tương đối cao. Việc giải ngân nhanh chóng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi góp phần đẩy nhanh tiến độ dự án, giúp sớm hoàn thành dự án, đưa vào khai thác, sử dụng góp phần tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống Nhân dân, cũng như hoàn thành các mục tiêu chung đã đề ra. Đến hết năm 2020, có 07 dự án hoàn thành (02 dự án lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, xóa đói, giảm nghèo; 01 dự án y tế; 01 dự án lĩnh vực giáo dục; 03 dự án trong lĩnh vực tăng trưởng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu) đưa vào sử dụng, có 06 dự án tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2025.

- Công tác quản lý và triển khai thực hiện dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án đạt được nhiều tiến bộ: Các chủ đầu tư đã kiện toàn bộ máy, thành lập ban quản lý dự án theo hướng chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu tiếp nhận vốn của nhà tài trợ. Cán bộ quản lý dự án, cán bộ chuyên trách được đào tạo cơ bản, năng lực chuyên môn từng bước được nâng cao, đáp ứng và hoàn thành tốt công việc.

- Qua việc thực hiện các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi, mối liên hệ giữa cơ quan chủ quản (UBND tỉnh), chủ đầu tư với các Bộ, ngành và nhà tài trợ ngày càng chặt chẽ, sâu rộng, mở ra nhiều định hướng hợp tác mới. Trên cơ sở đó, nhiều dự án mới được đề xuất để các nhà tài trợ quan tâm, ưu tiên giúp đỡ.

b) Những hạn chế và tồn tại trong thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi thời kỳ 2016-2020

- Bên cạnh những kết quả đạt được nhờ nguồn vốn ODA mang lại, việc quản lý và sử dụng vốn ODA hiện nay vẫn còn gặp một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới là: hệ thống văn bản, cơ chế, chính sách chưa nhất quán, thường thay đổi, điều chỉnh, nhất là quy định của một số nhà tài trợ và Việt Nam có sự khác biệt gây khó khăn trong quá trình thực hiện và giải ngân nguồn vốn. Thời gian vận động các chương trình, dự án ODA kéo

dài nên nhiều nội dung đề xuất đầu tư ban đầu đã không còn phù hợp, nên cần phải điều chỉnh, thay thế do cơ chế, quy hoạch và hiện trạng...

- Công tác tổ chức thực hiện một số dự án còn bất cập, nhất là khâu chuẩn bị đầu tư, thẩm định, phê duyệt, lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng. Một số dự án thời gian thi công kéo dài, tăng chi phí vay và làm giảm hiệu quả đầu tư.

- Việc giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi của một số dự án chưa đảm bảo tiến độ theo hiệp định đã ký kết, cũng như thực tế triển khai dự án. Bên cạnh đó, việc bố trí vốn (kể cả vốn đối ứng và vốn vay ODA) chưa kịp thời, chậm, dẫn đến ảnh hưởng tiến độ thực hiện các dự án.

- Việc báo cáo, giám sát, đánh giá dự án ODA, vốn vay ưu đãi của các chủ đầu tư chưa đảm bảo đúng nội dung, thời gian theo quy định, làm cho việc tổng hợp, đánh giá chung về ODA, vốn vay ưu đãi gặp nhiều khó khăn.

#### c) Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Các dự án ODA, vốn vay ưu đãi có quy trình vận động tài trợ phức tạp, qua nhiều lần khảo sát, tham vấn từ nhà tài trợ và trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành nên thời gian vận động thành công của một dự án thường kéo dài từ 2 - 4 năm. Bên cạnh đó, nhiều nguồn vốn tài trợ có chi phí lãi suất cao, trong khi ngân sách tỉnh phải vay lại một phần vốn tài trợ, nên việc tiếp cận để lựa chọn nguồn vốn tài trợ phù hợp gặp nhiều khó khăn. Do đó, số lượng dự án được tài trợ vốn ODA, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại còn ít.

- Việc giao kế hoạch giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi được giải ngân trong năm từ Trung ương có lúc chưa phù hợp với thực tế giải ngân, tiến độ thực hiện dự án theo hiệp định tài trợ đã ký kết. Do đó, cuối năm thường phải điều chỉnh kế hoạch giải ngân.

- Ngân sách trung ương chỉ hỗ trợ một phần vốn đối ứng trong khi ngân sách tỉnh còn nhiều khó khăn nên chưa đáp ứng được nhu cầu, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn tài trợ.

- Các khoản ODA, vốn vay từ các nhà tài trợ song phương thường đi kèm các điều kiện ràng buộc về lựa chọn nhà thầu, nhà cung cấp thiết bị làm quy trình lựa chọn nhà thầu phức tạp, ảnh hưởng tới thời gian thực hiện dự án và làm hạn chế khả năng tham gia dự án của các nhà thầu trong nước.

- Một số chủ đầu tư, ban quản lý dự án còn bị động, lúng túng trong quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi. Đa phần các dự án đều bị ảnh hưởng bởi công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, dẫn đến tiến độ của nhiều dự án không được đảm bảo. Việc phát huy, chuyên giao kinh nghiệm trong việc tiếp nhận, triển khai các dự án ODA chưa được tận dụng triệt để.

- Hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến ODA và vốn vay ưu đãi, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản còn thiếu đồng bộ, chưa nhất quán và chưa phù hợp với các thông lệ quốc tế, đã tác động không nhỏ đến việc tiếp cận, thực hiện và giải ngân các nguồn vốn này.

d) Bài học kinh nghiệm rút ra từ công tác thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi thời kỳ 2016 - 2020

- Để dự án phát huy được hiệu quả thì bước chuẩn bị là quan trọng nhất (có thể nói là phải đặt lên hàng đầu), công tác thu thập số liệu cần phải trung thực, khách quan, phản ánh đúng những mặt được và chưa được của giải pháp kỹ thuật khi lập dự án đầu tư.

- Cần nâng cao hơn nữa việc rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư các công trình, đề xuất công trình vào dự án phải thật sự thiết thực, đáp ứng mục tiêu của dự án. Công tác đánh giá, phân tích các chính sách an toàn (lao động, vệ sinh môi trường...) cũng cần được quan tâm chặt chẽ, nhằm đảm bảo khi thực hiện dự án, không làm ảnh hưởng đến mức có hại cho người dân và đây là một trong những vấn đề mà dự án ODA luôn được quan tâm đặc biệt.

- Thủ tục đầu tư đối với các dự án ODA thường bị kéo dài, nhiều quy định của Nhà tài trợ khác so với quy định trong nước. Do vậy, các cơ quan liên quan cần nắm bắt và hỗ trợ Ban Quản lý dự án xử lý các hồ sơ liên quan, rút ngắn thời gian hoàn thành thủ tục đầu tư.

- Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án luôn quan tâm đến quá trình thực hiện dự án, đẩy nhanh quá trình thực hiện dự án và đặc biệt là trong công tác giải ngân để kịp thời sử dụng vốn ODA hiệu quả.

- Thường xuyên kiểm tra và chỉ đạo quyết liệt, nhất là công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; bố trí đủ và kịp thời vốn đối ứng cho dự án thì mới có khả năng hoàn thành đúng tiến độ.

## **II. ĐỊNH HƯỚNG THU HÚT, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI THỜI KỲ 2021-2025**

1. Bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước có ảnh hưởng đến việc thu hút và sử dụng ODA của Việt Nam thời kỳ 2021-2025

Thế giới đang trải qua thời kỳ có nhiều biến động, phức tạp và khó lường, nhất là trong tình hình vừa qua diễn biến của dịch bệnh Covid-19 lan rộng trên toàn thế giới. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh kiềm chế lẫn nhau quyết liệt, giành vị thế và lợi ích gây ra tình hình phức tạp tại nhiều khu vực và nhiều nước. Trong bối cảnh đó, sự gắn kết về lợi ích gia tăng cùng với nhận thức về trách nhiệm chung trong giải quyết những vấn đề toàn cầu trở thành yếu tố thuận lợi cho không khí hợp tác và đối thoại. Cùng với xu thế đa cực hóa và dân chủ hóa quan hệ quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh, các nước nâng cao ý thức độc lập, tự

chủ, tự cường, ngăn ngừa những hành vi áp đặt và can thiệp của các thế lực cường quyền; các nước có cơ hội để triển khai hiệu quả chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để phát triển.

Hiện nay, nước ta đang kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh Covid-19, đây là cơ hội để nước ta tranh thủ các nguồn lực tài chính từ bên ngoài để đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội. Ngoài ra, định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 06/11/2018 và các Nghị định liên quan về sử dụng vốn ODA đã cơ bản hoàn thiện. Do đó, đây là cơ hội để các địa phương khẩn trương xây dựng kế hoạch thu hút và sử dụng vốn ODA vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030.

Trong điều kiện vốn tài trợ chuyển dần sang vay ưu đãi và tiến tới vay theo điều kiện thị trường thì các nhà tài trợ sẽ quan tâm đến các chương trình, dự án tại Việt Nam nhiều hơn. Việc tiếp cận, lựa chọn các nguồn vốn được mở rộng đi đôi với trách nhiệm sử dụng vốn tài trợ ngày càng cao.

## 2. Dự kiến nhu cầu sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thời kỳ 2021-2025

a) Thống kê danh mục các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2020 và nhu cầu vốn giải ngân của các dự án này

Có 06 dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2020 với nhu cầu tổng vốn giải ngân trong giai đoạn 2021-2025 là 465,35 tỷ đồng, trong đó, vốn ODA là 362,16 tỷ đồng; vốn đối ứng là 103,181 tỷ đồng, cụ thể:

(1) Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi (JICA2) có nhu cầu giải ngân là 19,35 tỷ đồng, trong đó, vốn ODA 16,35 tỷ đồng, vốn đối ứng 3,0 tỷ đồng;

(2) Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) Quảng Ngãi có nhu cầu giải ngân là 138,803 tỷ đồng, trong đó, vốn ODA là 105,552 tỷ đồng, vốn đối ứng là 33,25 tỷ đồng;

(3) Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất (giai đoạn 2) có nhu cầu giải ngân 1,935 tỷ đồng, trong đó, vốn ODA 0,3 tỷ đồng, vốn đối ứng là 1,635 tỷ đồng;

(4) Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020 (EU tài trợ) có nhu cầu giải ngân 26,789 tỷ đồng, trong đó, vốn ODA là 8,621 tỷ đồng, vốn đối ứng là 18,168 tỷ đồng;

(5) Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi (Dự án VILG) có nhu cầu giải ngân là 90,364 tỷ đồng, trong đó, vốn ODA là 75,906 tỷ đồng, vốn đối ứng là 14,458 tỷ đồng;

(6) Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Quảng Ngãi có nhu cầu vốn là 188,108 tỷ đồng, trong đó, vốn ODA là 155,44 tỷ đồng, vốn đối ứng là 32,668 tỷ đồng.

b) Xây dựng nhu cầu các dự án mới giai đoạn 2021-2025

Hiện nay, tỉnh có 10 dự án ODA và vốn vay ưu đãi đang trong quá trình vận động, tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 4.247 tỷ đồng (tương ứng 189 triệu USD), trong đó, vốn nước ngoài khoảng 3.596 tỷ đồng (tương ứng 160 triệu USD); vốn đối ứng khoảng 651 tỷ đồng (tương ứng 29 triệu USD). Cụ thể:

- Các dự án đã kí hiệp định/dự kiến kí hiệp định trong năm 2020

Có 02 dự án, với tổng mức đầu tư là 231,9 tỷ đồng, trong đó, vốn ODA là 185,644 tỷ đồng; vốn đối ứng là 46,256 tỷ đồng, cụ thể:

(1) Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi (WB): tổng vốn đầu tư 9,71 triệu USD, trong đó, vốn ODA là 7,75 triệu USD, vốn đối ứng 1,96 triệu USD. Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 (được điều chỉnh tại Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 21/02/2020); Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Quyết định số 45/QĐ-TCN ngày 10/11/2019 về việc ký hiệp định vay và Hiệp định viện trợ không hoàn lại cho dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở”. Dự kiến tỉnh vay lại khoảng 123,310 tỷ đồng. Lãi suất vay từ 3,31 – 3,98%.

(2) Dự án cấp điện nông thôn từ nguồn năng lượng tái tạo tỉnh Quảng Ngãi: tổng vốn đầu tư 11 tỷ đồng, trong đó vốn đối ứng là 1,65 tỷ đồng, vốn ODA (viện trợ không hoàn lại) là 9,35 tỷ đồng. Hiện tại, Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 28/4/2020 về chủ trương đầu tư tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ nguồn năng lượng tái tạo tỉnh Quảng Ngãi; hiện tại tỉnh đã gửi đề xuất báo cáo Bộ Công Thương; dự kiến trong năm 2020 Hiệp định sẽ được ký kết.

- Các dự án đã báo cáo đề xuất đầu tư (08 dự án)

Có 08 dự án đã báo cáo đề xuất đầu tư gửi các bộ, ngành Trung ương với tổng mức đầu tư là 401,55 tỷ đồng, trong đó, vốn ODA là 3410,6 tỷ đồng, vốn đối ứng là 604,9 tỷ đồng. Trong đó, có 06 dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp và PTNT, xóa đói, giảm nghèo; 01 dự án thuộc lĩnh vực phát triển hạ tầng, đô thị; 01 dự án lĩnh vực y tế, cụ thể như sau:

(1) Sửa chữa và nâng cao an toàn đập WB8 mở rộng tỉnh Quảng Ngãi, gồm 19 hồ chứa nước (vốn WB): tổng mức đầu tư 400 tỷ đồng, trong đó, vốn ODA 336 tỷ đồng, vốn đối ứng 64,4 tỷ đồng;

(2) Hiện đại hóa thủy lợi nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh

Quảng Ngãi (vốn ADB): tổng mức đầu tư 540 tỷ đồng, trong đó, vốn ODA 486 tỷ đồng, vốn đối ứng 54 tỷ đồng;

(3) Phục hồi và Quản lý rừng bền vững khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - Dự án KFW9 (giai đoạn 1) tỉnh Quảng Ngãi (vốn KFW): tổng mức đầu tư 129,028 tỷ đồng (4,762 triệu EURO), trong đó, vốn ODA 96,335 tỷ đồng (3,555 triệu EURO); vốn đối ứng 32,693 tỷ đồng (1,206 triệu EURO);

(4) Nước sạch và vệ sinh nông thôn bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi (vốn WB): tổng mức đầu tư 17,82 triệu USD, trong đó, vốn ODA 13,64 triệu USD, vốn đối ứng 4,18 triệu USD. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức Hội thảo với các địa phương vào tháng 11/2019, hiện tại, tỉnh đã hoàn thiện đề xuất đầu tư gửi các Bộ Nông nghiệp và PTNT, WB; dự kiến cuối năm 2020 Hiệp định sẽ được ký kết. Dự kiến tỉnh vay lại khoảng 203 tỷ đồng. Lãi suất vay khoảng 4%;

(5) Quản lý rừng bền vững và thúc đẩy chứng chỉ rừng tại Việt Nam" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (vốn KFW): tổng mức đầu tư 197,904 tỷ đồng (7,79 triệu EURO), trong đó, vốn ODA 176,70 tỷ đồng (6,956 triệu EURO), vốn đối ứng 21,204 tỷ đồng (0,834 triệu EURO);

(6) Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) (vốn ADB): tổng mức đầu tư 792,026 tỷ đồng (34,22 triệu USD), trong đó, vốn ODA 694,35 tỷ đồng (30 triệu USD), vốn đối ứng 97,676 tỷ đồng (4,22 triệu USD);

(7) Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và thích ứng biến đổi khí hậu thành phố Quảng Ngãi (vốn AFD): tổng mức đầu tư 1.341 tỷ đồng (59,6 triệu USD), trong đó, vốn ODA 1099,6 tỷ đồng (48,87 triệu USD), vốn đối ứng 241,38 tỷ đồng (1,07 triệu USD). Hiện nay, Bộ Xây dựng đã gửi đề xuất đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, dự kiến trong năm 2020 sẽ ký hiệp định. Dự kiến tỉnh vay lại khoảng 657 tỷ đồng. Lãi suất vay từ 1,02-1,12%;

(8) Đầu tư trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi (vốn Hàn Quốc): tổng mức đầu tư 259,821 tỷ đồng (11,2 triệu USD), trong đó, vốn ODA 231,57 tỷ đồng (10 triệu USD), vốn đối ứng 28,251 tỷ đồng (1,22 triệu USD).

*(Có phụ lục 2 kèm theo)*

c) Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi

Hiện nay có nhiều tổ chức tín dụng đề nghị cho tỉnh vay để đầu tư hạ tầng với nhiều mức lãi suất khác nhau. Mặt khác, theo Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ và Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương thì địa phương phải xây dựng hạn mức cho vay lại 5 năm, xây dựng kế hoạch vay làm căn cứ



để vay vốn.

Hiện tại, hạn mức dư nợ vay của ngân sách địa phương tỉnh Quảng Ngãi khoảng 3.900 tỷ đồng (không vượt quá 30% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp). Đến ngày 31/12/2019, số dư nợ vay ngân sách tỉnh là 180,4 tỷ đồng, chưa vượt hạn mức cho phép.

Sắp tới, trong quá trình xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, tỉnh sẽ cân đối và lựa chọn các dự án thật sự cấp bách mà tỉnh chưa có nguồn đầu tư, cần phải vay các nhà tài trợ nước ngoài; rà soát mức lãi suất của các nhà tài trợ vì tỉnh phải vay lại 70% và bố trí trong trung hạn để trả nợ; rà soát các điều kiện cho vay của các nhà tài trợ... Các dự án này phải phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh, đồng thời cũng phù hợp với hạn mức dư nợ vay trong giai đoạn 2021-2025 của Trung ương qui định.

3. Dự kiến nhu cầu vốn đối ứng cho các chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi thời kỳ 2021-2025 phân theo nguồn vốn

Trong giai đoạn 2021-2025, dự kiến nhu cầu vốn đối ứng để bố trí cho các chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ước khoảng 627 tỷ đồng. Trong đó, nhu cầu vốn ngân sách địa phương ước khoảng 557 tỷ đồng; ngân sách trung ương hỗ trợ 69 tỷ đồng và một số nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Định hướng và các giải pháp cải thiện công tác quản lý ODA, vốn vay ưu đãi trong thời gian tới:

a) Định hướng

- Sẵn sàng, chủ động và mong muốn phát triển quan hệ hợp tác phát triển với các nhà tài trợ trong việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt.

- Thực hiện tốt các dự án vốn ODA và vốn vay ưu đãi đang triển khai đảm bảo đúng tiến độ, đạt được mục tiêu, hiệu quả đầu tư cũng như thực hiện đúng nội dung hiệp định đã ký kết, làm cơ sở để tiếp cận, triển khai các dự án tiếp theo.

- Đưa ra những giải pháp cụ thể đối với từng dự án để phù hợp với yêu cầu của nhà tài trợ, đảm bảo khả năng tiếp nhận vốn tài trợ.

- Tiếp tục phát huy những kết quả, kinh nghiệm đã đạt được và đưa ra các giải pháp hạn chế, khắc phục những tồn tại để vận động, thu hút, quản lý tốt nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi trong thời gian tới, đảm bảo hiệu quả đầu tư, nâng cao khả năng tiếp nhận tài trợ, tạo niềm tin ngày càng tốt hơn đối với Trung ương cũng như uy tín đối với nhà tài trợ.

c) Giải pháp

- Giải pháp liên quan đến cơ chế, chính sách:

+ Hiện nay, các chính sách của các nhà tài trợ nước ngoài cũng như các quy định về đầu tư trong nước có nhiều thay đổi; để thuận lợi trong công tác thu hút và sử dụng vốn ODA được hiệu quả thì cần thiết phải có sở tay hướng dẫn trên cơ sở phù hợp với pháp luật quốc tế và của Việt Nam.

+ Để đưa dự án ra đàm phán hiệp định thì quá trình chuẩn bị pháp lý cho các dự án là khá phức tạp và cần có sự phối hợp giữa các sở ngành, địa phương liên quan với nhà tài trợ; do đó, cấp thẩm quyền phải có định hướng xác định rõ ràng việc đề xuất các dự án nào cần kêu gọi vốn ODA, đảm bảo tiến độ thực hiện các thủ tục theo quy định.

- Giải pháp liên quan đến đảm bảo thực hiện các cam kết của phía Việt Nam:

+ Nguồn vốn đối ứng bố trí để thực hiện các dự án có nguồn vốn ODA là hết sức cần thiết và kịp thời, đảm bảo hoàn tất các thủ tục trước khi đưa ra đàm phán hiệp định như: phê duyệt đề xuất dự án, chủ trương đầu tư và báo cáo nghiên cứu khả thi (FS),... Do đó, cần sớm cân đối kế hoạch vốn địa phương trong kế hoạch trung hạn nhằm kịp thời giải ngân để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư, đưa ra đàm phán.

+ Năng lực BQL dự án: Lựa chọn đội ngũ làm công tác quản lý dự án nguồn ODA phải đủ năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm quản lý đối với các dự án ODA.

+ Công tác bồi thường, GPMB ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ hoàn thành dự án, vì vậy, cần chủ động đẩy nhanh tiến độ thực hiện hoàn thành công tác bồi thường, GPMB, kịp thời bàn giao mặt bằng sạch để khởi công các công trình.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

**Nơi nhận :**

- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- VPUB: CVP UBND tỉnh, CBTH;
- Lưu: VT, Thbha198.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng

I. Thời gian ký kết, thực hiện

II. Quy mô nguồn vốn

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Nhóm dự án (A, B, C)	Mô hình	Nguyên nhân	Thời gian KCHT	Ngày ký hiệp định	Ngày khởi công	Số người định	Quy định chi trả										
										Vốn nước ngoài				Vốn nước nội địa						
										Trong đó:				Trong đó:						
										Vốn nước ngoài (theo hiệp định)				Quy định trả tiền Vốn						
1	DỰ ÁN THƯỚC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG																			
1	Dự án Quản lý thị trấn tại (WB5)	Huyện M'Đak, Đăk Pơ, Nghĩa Hành	B	WB	Nhau nghiệp và PTTT, xóa đói, giảm nghèo	2015-2020	12/12/2012	30/09/2019	2031/QĐ-LĐLĐ, ngày 11/11/2015; 2113/QĐ-LĐLĐ, ngày 30/12/2015; 2200/QĐ-LĐLĐ, ngày 31/12/2015; 515/QĐ-LĐLĐ, ngày 11/11/2015	292.582	66.834	66.834	10.098 triệu USD	223.748	223.748	36.748	36.748			
2	Thư viện Công văn tại xã huyện và cấp huyện (WB5)	Xã Phước Quế, huyện Đăk Pơ	B	WB	Giáo dục và PTNT	2015-2020	12/12/2012	30/09/2019	2200/QĐ-LĐLĐ, ngày 31/12/2015; 515/QĐ-LĐLĐ, ngày 11/11/2015	185.132	48.399	48.399		136.833	136.833	52.167	52.167			
3	Xây dựng hệ thống vệ sinh an toàn thực phẩm cấp thị trấn tại xã Trại Kỵ và xã Đăk Đong huyện Sơn Trĩ, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Trại Kỵ, TP Quảng Ngãi	B	WB	Tài chính, ngân hàng	2015-2020	12/12/2012	30/09/2019	1370/QĐ-LĐLĐ, ngày 15/08/2015	184.903	54.903	54.903		130.000	130.000	36.748	36.748			
4	Tiêu thụ điện năng trên các xã Bình Phước, Bình Định, Bình Đông, huyện Bình Sơn	Bình Phước, Bình Định, Bình Đông, huyện Bình Sơn	C	WB	Môi trường, năng lượng	2015-2019		15/08/2015	1368/QĐ-LĐLĐ, ngày 12/08/2015	21.076	2.044	2.044		19.032	19.032					
5	Quản lý chất thải rắn tại xã Nguyễn - tỉnh Quảng Ngãi	Bà Tô, Sơn Hà, Sơn Tây		WB	Nhau nghiệp và PTTT, xóa đói, giảm nghèo				1531/QĐ-LĐLĐ, ngày 23/10/2013	337.818	18.477	18.477	15.206 triệu USD	319.341	319.341					
6	Xây dựng trung tâm văn hóa xã Thạch Đức, xã Phước Thạch, huyện Đăk Pơ, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Phước Thạch, huyện Đăk Pơ	B	WB	Nhau nghiệp và PTTT, xóa đói, giảm nghèo	2018-2020	31/05/2011	31/08/2019	1571/QĐ-LĐLĐ, ngày 17/09/2018	146.155	49.800	49.800		96.355	96.355					
	Hỗ trợ xã hội nhân đạo	Các huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, TP Quảng Ngãi		WB	Y tế	2016-2019	31/05/2011	31/08/2019	1667/QĐ-LĐLĐ, ngày 30/10/2015; 1592/QĐ-LĐLĐ, ngày 31/08/2016	119.130	31.297	31.297		87.833	87.833					
	Hỗ trợ xã hội nhân đạo	TP Quảng Ngãi		WB	Y tế	2016-2019	31/05/2011	31/08/2019	1967/QĐ-LĐLĐ, ngày 30/10/2015	29.199	4.593	4.593		24.606	24.606					
	Hỗ trợ xã hội nhân đạo	Xã Nghĩa Lộ, huyện Tư Nghĩa, xã Hoài Đức, huyện Nghĩa Hành		WB	Y tế	2016-2019	31/05/2011	31/08/2019	1192/QĐ-LĐLĐ, ngày 31/08/2016	69.931	26.704	26.704		63.227	63.227					

II. Quy mô nguồn vốn																		
STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Nhóm dự án (A, B, C)	Nhà tài trợ	Ngành/lĩnh vực	Thời gian KC-IT	Ngày ký hiệp định	Ngày kết thúc hiệp định	I. Thời gian ký kết - thực hiện									
									Số quyết định	Vốn đầu tư			Tích bằng ngoại tệ	Tổng số	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)	Vốn đầu tư NSTW	Vốn viện trợ không hoàn lại	
										Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Tổng số	Cấp phát từ NSTW						Các nguồn vốn khác
Quyết định đầu tư																		
TMĐT																		
Trong đó:																		
1	7	Trương Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi	4	Hàn Quốc	Giáo dục và Đào tạo	2008-2018	8	9	10	2031/QĐ-UBND ngày 14/9/2007; 965/QĐ-UBND ngày 12/6/2015; 1896/QĐ-UBND ngày 13/10/2016	11	12	13	14	15	16	17	18
											130.107	43.845	43.845	43.845	86.262	86.262		
II		Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025									1.240.327	162.306	162.306	#VALUE!	1.078.021	862.775		108.621
8		Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi (JICA2)	B	Nhật Bản	Nông nghiệp và PTNT, xóa đói, giảm nghèo	2012-2021	30/3/2012			1417/QĐ-UBND ngày 26/9/2012; 1658/QĐ-UBND ngày 6/9/2017	201.986	24.845	24.845	24.845	928 triệu yên	177.141	177.141	
9		Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) Quảng Ngãi	B,C	WB	Nông nghiệp và PTNT, xóa đói, giảm nghèo	2016-2022	08/4/2016	30/6/2022		4638/QĐ-BNN-HTQT, 09/11/2013; 346/QĐ-UBND, 04/4/2016, 912/QĐ-UBND, 11/6/2018	337.725	17.775	17.775	17.775	12.625 triệu USD	319.950	239.963	
		Trên dự án Sisa chon, nâng cấp bảo đảm an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 1)				2016-2018				546/QĐ-UBND ngày 04/4/2016; 354/QĐ-UBND ngày 19/3/2019	23.735	6.969	6.969	6.969	16.786	12.389		
		Trên dự án Sisa chon và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 2)				2017-2020				912/QĐ-UBND ngày 11/6/2018	169.984	21.375	21.375	21.375	148.619	111.464		
10		Giáo dục trung học cơ sở khu vực Khố Khan nhất (giai đoạn 2)	C	AJFB	Giáo dục và Đào tạo	2017-2020	23/01/2015	09/2021		1538/QĐ-UBND ngày 09/9/2015; 1462/QĐ-UBND ngày 27/8/2015; 1601/QĐ-UBND ngày 22/9/2015; 1600/QĐ-UBND ngày 22/9/2015	28.600	6.600	6.600	6.600	22.000	22.000		
11		Cập điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020 (EU tài trợ)	B	EU	Năng lượng	2018-2020				3337/QĐ-BCT ngày 17/9/2018 và 981/QĐ-UBND ngày 11/7/2019	127.789	19.168	19.168	19.168	108.621			108.621
12		Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ hiện tại tỉnh Quảng Ngãi (Dự án VILG)	B	WB	Quản lý Nhà nước, thể chế, chính sách	2017-2022	23/12/2016			1236/QĐ-BTNMT, 30/5/2016; 2198/QĐ-UBND ngày 08/11/2016	107.000	18.250	18.250	18.250	4.05 triệu USD	88.750	62.112	
13		Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Quảng Ngãi	B	WB	Nông nghiệp và PTNT, xóa đói, giảm nghèo	2019-2021	29/9/2017	31/12/2021		542/QĐ-UBND, 29/3/2017	437.227	75.668	75.668	75.668	16 triệu USD	361.559	361.559	
III		Chuyển bị đầu tư									1.012.925	142.281	142.281	142.281	870.644	254.250		23.145
14		Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế huyện cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi		WB	Y tế	2020-2024	11/10/2019			439/QĐ-UBND ngày 29/9/2019	220.900	44.666	44.666	44.666	7,75 triệu USD	176.294	52.888	
15		Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	B	AJFB	Nông nghiệp và PTNT, xóa đói, giảm nghèo	2021-2025					792.025	97.675	97.675	97.675	30 triệu USD	694.350	201.362	23.145
B		ĐI AN KIÓNG THUOC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG (016 trợ kỹ thuật, khác)																
Chú ý 0.19: Nếu vốn viện trợ không hoàn lại không được cấp phát chuyển về tỉnh thì không tính vào tổng mức đầu tư dự án (nếu có)																		

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Theo kế hoạch Báo cáo số 83/BC-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Mã số	Tên dự án (Mã dự án)	III. Tình hình tư vấn (Đánh dấu x vào ô)		IV. Điều chỉnh dự án (Mã sửa đổi dự án)		V. Cơ chế giải ngân (Đánh dấu x vào ô)		VI. Tình hình vốn tài trợ hoặc đầu tư của Việt Nam nước ngoài từ NSTW, giải ngân										IX. Tình hình thực hiện giải ngân vốn nước ngoài (*)													
		Chi tư vấn	Chi đầu tư phát triển	Không điều chỉnh	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư/QĐ đầu tư	Chi ngân theo cơ chế tài chính trong nước	Không giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước	Kế hoạch trung hạn Việt Nam 2016-2020 được giao	Trong đó										Lũy kế giải ngân từ khoản công nợ hết ngày 31/01/2016	Giải ngân ngoài vốn chi sự nghiệp trong giai đoạn 2016-2020 đến hết tháng 4/2020	Giải ngân ngoài vốn chi đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 đến hết tháng 4/2020	Trong đó									
									Kế hoạch vốn nước ngoài được giao hàng năm					Thực hiện								Chưa phát từ NSTW hoặc kế hoạch đầu tư công									
19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40										
106.626								1.345.858	125.844	128.993	230.300	354.358	382.047	178.346	97.100	914.891	168.723	142.640	318.744	214.750	425.296										
		X						689.854	125.844	124.593	172.481	178.396	48.177	97.100	666.412	133.763	120.399	245.967	166.383	50.494											
		X						95.000			54.803			36.170		161.471	7.920	11.383	97.161	45.007											
		X							5.420	11.170	15.000	131			31.672	5.420	11.170	15.000	82												
		X							2.500	213				36.170		2.713	2.500	213													
		X						82.000		30.000	27.000	82.161	54.672		127.085			82.161	44.925												
		X												7.399	5.378	3.256	2.077		45												
		X						11.032	3.257	6.000	1.775				284.611	54.300	88.593	66.303	75.415												
		X						284.611	54.300	88.593	66.303	75.415																			
		X						96.555			48.178		48.177		45.861					45.861	50.494										
		X						83.156	5.587	77.403				5.587	71.956	5.587				66.369											
		X						19.929	5.587	14.606				5.587	20.193	5.587				14.606											
		X						61.227		62.797					51.763					51.763											





				XI. Dự kiến nhu cầu giải ngân giải đoạn 2021-2025													
				Vốn nước ngoài													
				Vốn đối ứng													
				Chi đầu tư phát triển													
Năm	Vay lại	Dự kiến năm	Chi đầu tư phát triển	Cấp phát từ NSTW	Chi nguồn vốn khác	Chi sự nghiệp	Tổng số	Trong đó:		Vay lại	Ghi chú						
								Vay lại	Vốn viện trợ KHL								
2016	Năm 2016	2016	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55
								X		103.181		362.169	304.375	8.621	49.173		
										3.000		16.350	16.350				
										33.232		105.552	79.164		26.388		
										338							
								X		7.736		13.388	10.041	3.347			
										25.178		92.164	69.123	23.041			
										1.635		300	300				
								X		18.168		8.621	8.621				
								X		14.458		75.906	53.121	22.785			
								X		32.668		155.440	155.440				

Dự án thực hiện giải đoạn 2016-2020 của kero dài, chuyển tiếp sang giải đoạn 2021-2025 (đánh dấu X nếu là dự án chuyển tiếp)

Đề án đã hoàn thành báo cáo đầu tư xin duyệt vào tháng 9/2018

Dự án đã hoàn thành báo cáo đầu tư xin duyệt vào tháng 9/2018

Đang thi công 10 KCN, khối lượng ước đạt trên 70%. Tuy nhiên hiện nay TDA không

Đang trình Sở NN&PTNT thẩm định ĐAT và sẽ trình UBND tỉnh phê duyệt. Công trình này được bố trí năm 2015 báo

Bổ sung vốn để trả nợ cho bên

Kế hoạch vốn được bố trí năm

Kế hoạch vốn được bố trí năm

Kế hoạch vốn được bố trí năm





STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Nhóm dự án (A, B, C)	Nhà tài trợ	Ngành/ lĩnh vực	Mục tiêu, kết quả chính của dự án	Thời gian KC/HT dự kiến	Quy mô nguồn vốn						Tình trạng dự án						Vốn chi ngân						Vốn chi tổng						Ghi chú				
								Số quyết định số	Tổng số (đồng)	Vốn chi ngân		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Chi trả nghiệp vụ	Chi trả từ phát triển	Chi trả nghiệp vụ	Đã được phê duyệt đề xuất	Đang kiến nghị/ chờ phê duyệt đề xuất	Đã được phê duyệt chi trong dự án	Đã ngân chi trả chính thức trong nước	Không giải ngân chi trả cho dự án trong nước	Vốn chi tổng		Vốn nước ngoài		Vốn chi tổng		Vốn nước ngoài								
										Tổng số	Vốn vay	Vốn无偿	Vốn无偿									Vốn无偿	Vốn无偿	Chi trả nghiệp vụ	Chi trả nghiệp vụ khác	Chi trả nghiệp vụ	Chi trả nghiệp vụ khác	Chi trả nghiệp vụ	Chi trả nghiệp vụ khác	Chi trả nghiệp vụ	Chi trả nghiệp vụ khác		Chi trả nghiệp vụ	Chi trả nghiệp vụ khác	Chi trả nghiệp vụ	Chi trả nghiệp vụ khác
1	10	Đầu tư trung thất tỷ tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	C	Hàn Quốc	Y tế	Đầu tư trung thất tỷ y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh	2021-2025	9	10	239.821	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34		
<b>B</b>																																				